

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 10 (huyện Quảng Hòa)

Môn: Phần AVII - Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngày thi: 15/7/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Lục Thị Vân Anh	6,75	Sáu phẩy bảy năm	41	Hoàng Văn Khỏe	7,00	Bảy
2	Đàm Thị Bằng	7,00	Bảy	42	Bé Thị Kiều	7,75	Bảy phẩy bảy năm
3	Nông Thị Bé	7,75	Bảy phẩy bảy năm	43	Nguyễn Thị Hoài Lam	7,50	Bảy phẩy năm
4	Nguyễn Thị Biền	7,50	Bảy phẩy năm	44	Lục Thị Thúy Lâm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
5	Nguyễn Đình Chinh	6,75	Sáu phẩy bảy năm	45	Nông Minh Lệ	5,75	Năm phẩy bảy năm
6	Bé Đặng Chính	8,00	Tám	46	Nông Thị Linh	6,50	Sáu phẩy năm
7	Phan Mạnh Cường	7,25	Bảy phẩy hai năm	47	Hứa Thị Loan	8,00	Tám
8	Hà Thị Diệp	8,25	Tám phẩy hai năm	48	Lý Thị Minh	7,25	Bảy phẩy hai năm
9	Nông Văn Đạt	7,00	Bảy	49	Hoàng Thị Minh	7,50	Bảy phẩy năm
10	Bé Thị Diệp	7,00	Bảy	50	Triệu Quang Mốt	7,25	Bảy phẩy hai năm
11	Tô Văn Dự	6,75	Sáu phẩy bảy năm	51	Vương Thị Na	7,75	Bảy phẩy bảy năm
12	Hoàng Văn Dẫn	7,50	Bảy phẩy năm	52	Nông Văn Nam	6,00	Sáu
13	Đàm Thị Dung	8,00	Tám	53	Hoàng Thị Nga	6,25	Sáu phẩy hai năm
14	Lương Văn Dưỡng	6,75	Sáu phẩy bảy năm	54	Đàm Thị Thanh Nga	8,00	Tám
15	Phan Thị Duyên	7,00	Bảy	55	Đình Văn Nghĩa	5,50	Năm phẩy năm
16	Lý Thị Duyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	56	Nguyễn Thị Ngọc	6,75	Sáu phẩy bảy năm
17	Nông Văn Giang	8,00	Tám	57	Đình Thị Nguyệt	8,25	Tám phẩy hai năm
18	Triệu Thị Hạ	7,50	Bảy phẩy năm	58	Lục Thị Nhung	7,75	Bảy phẩy bảy năm
19	Ngô Thị Lệ Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	59	Đàm Thị Niêm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
20	Lý Thị Hằng	8,00	Tám	60	Lục Thị Kim Oanh	7,50	Bảy phẩy năm
21	Lã Thị Hạnh	7,50	Bảy phẩy năm	61	Nguyễn Lệ Quyên	7,25	Bảy phẩy hai năm
22	Đình Thị Hậu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	62	Hoàng Thị Tầm	7,25	Bảy phẩy hai năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Ma Văn Hiến	6,50	Sáu phẩy năm	63	Đàm Hồng Tân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
24	Nguyễn Thị Hiệp	7,50	Bảy phẩy năm	64	Đàm Văn Thắng	7,25	Bảy phẩy hai năm
25	Lưu Diệu Hoa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	65	Đinh Phương Thảo	7,50	Bảy phẩy năm
26	Lương Thị Hoa	7,50	Bảy phẩy năm	66	Mông Thị Thảo	8,00	Tám
27	Lục Thị Hoài	7,50	Bảy phẩy năm	67	Nông Bích Thu	8,00	Tám
28	Nguyễn Thị Hoan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	68	Triệu Minh Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
29	Hà Ngọc Hoàng	7,00	Bảy	69	Đàm Thị Thuyền	7,25	Bảy phẩy hai năm
30	Hà Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	70	Bé Thị Tiềm	7,00	Bảy
31	Phạm Thị Huân	7,25	Bảy phẩy hai năm	71	Nông Thị Tiến	7,00	Bảy
32	Nông Thị Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	72	Đỗ Văn Tĩnh	7,00	Bảy
33	Mông Thị Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	73	Hoàng Thu Trang	7,50	Bảy phẩy năm
34	Triệu Thị Thu Huệ	7,25	Bảy phẩy hai năm	74	La Thị Huyền Trang	7,00	Bảy
35	Bé Thị Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	75	Đỗ Thu Trang	7,00	Bảy
36	Đinh Thị Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	76	Bé Văn Tư	6,50	Sáu phẩy năm
37	Ma Thúy Hường	8,00	Tám	77	Đàm Thúy Tuyền	7,50	Bảy phẩy năm
38	Hoàng Quang Huy	8,00	Tám	78	Mã Thị Út	7,50	Bảy phẩy năm
39	Hoàng Thị Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	79	Ma Ngọc Vĩnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
40	Lục Thị Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	80	Đàm Thị Vui	7,50	Bảy phẩy năm

Điểm 5,50: 01 điểm; Điểm 5,75: 01 điểm; Điểm 6,00: 01 điểm; Điểm 6,25: 01 điểm; Điểm 6,50: 03 điểm; Điểm 6,75: 05 điểm; Điểm 7,00: 11 điểm; Điểm 7,25: 10 điểm; Điểm 7,50: 20 điểm; Điểm 7,75: 15 điểm; Điểm 8,00: 10 điểm; Điểm 8,25: 02 điểm./.

**GHI ĐIỂM PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

DJHlu

lauchip



Đoàn Thị Kim Liên

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa